TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2026/QĐST- DS.	**Cần Thơ**, *ngày 12 tháng 02 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn M, sinh năm 1981.
  Địa chỉ: ấp Phú Lễ, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1941.
  Địa chỉ: 474 khu vực Phú Thành, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.
  Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1963.
  Địa chỉ: ấp Phú Lễ, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.*

Luật sư Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981, công ty luật TNHH MTV & Cộng Sự thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
  1/ Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1992.
  2/ Ông Trần Văn B.
  3/ Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1988.
  4/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1956.
  5/ Bà Trần Tuyết N (chết năm 2025)

6/ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1960.

7/ Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1941.

8/ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1965.

9 / Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1968.

10/ Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1970.

11/ Bà Tô Thị B, sinh năm 1938.

12/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986.

13/ Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Phú Lễ, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

14/ Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: ấp Phú Lợi xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền ông Châu Văn H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất chia đôi (½) phần đất tranh chấp tại vị trí số I, diện tích 25.3m^2 đất theo mãnh trích đo địa chính số 137/2024 ngày 23/12/2024 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát như sau: Nguyên đơn được phần đất diện tích 12.65m^2 ký hiệu vị trí Ib theo mãnh trích đo địa chính số 137/2024 ngày 23/12/2024 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Bị đơn được phần đất diện tích 12.65m^2 ký hiệu vị trí Ia theo mãnh trích đo địa chính số 137/2024 ngày 23/12/2024 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. (*kèm theo mãnh trích đo địa chính*)

2.2. Nguyên đơn và bị đơn được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Trần Văn M có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB323795/CH00110 cấp ngày 23/11/2010 (bản gốc), bị đơn Nguyễn Văn N có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP802309/H00008 cấp ngày 09/12/2009 (bản gốc), khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010478 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ). Bị đơn Nguyễn Văn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ.

2.4. Chi phí tố tụng lần đầu 7.238.000 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi tám

ngàn đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu.

2.5. Chi phí tố tụng lần hai nguyên đơn Trần Văn M đã nộp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) chi hết 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Bị đơn Nguyễn Minh Đ đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chi hết 4.511.000 đồng (bốn triệu năm trăm mười một ngàn đồng), ông Đ đã nhận lại 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, ông Đ đã nhận xong. Bị đơn Nguyễn Văn N đã nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đã chi 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm ngàn đồng), ông N đã nhận lại 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm ngàn đồng), tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, ông N đã nhận xong. Tổng chi phí tố tụng 25.411.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm mười một ngàn đồng), nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận chia đối số tiền chi phí tố tụng. Như vậy bị đơn ông Nguyễn Văn N phải giao lại cho nguyên đơn ông Trần Văn M số tiền 2.294.500 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

2.6. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận không tính lãi chậm trả tại giai đoạn thi hành án. (nếu có)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Nhân